

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

## QUYỂN 74

### *Phẩm 7: NÓI VỀ TRÍ* (PHẦN 2)

Hành tướng đã nói có mười sáu: Vì hể tên gọi có riêng, thì thật cũng có khác. Thế nào gọi là hành tướng năng hành và sở hành? Tụng rằng:

*Hành tướng thật mười sáu  
Thế này chỉ là tuệ  
Năng hành có sở duyên  
Sở hành các pháp hữu.*

**Luận nói:** Có thuyết nói: Hành tướng, tên dù mười sáu, sự thật chỉ có bảy. Duyên theo cảnh của khổ đế, vì trị bốn đảo, nên danh và thật đều có bốn. Duyên theo cảnh của ba đế, danh bốn, thật một. Thuyết như thế, nghĩa là thật cũng mười sáu, vì đối tượng trị, đối tượng của hành tướng có khác nhau, nên nói tướng bị đối trị có khác nhau. Nghĩa là vì đối trị thường kiến, nên tu hành tướng vô thường. Vì đối trị các hành vui, nên tu hành tướng khổ. Vì đối trị kiến ngã sở, nên tu hành tướng không. Vì đối trị ngã kiến, nên tu hành tướng phi ngã. Vì đối trị vô nhân luận, nên tu hành tướng nhân. Vì đối trị luận một nhân như Tự tại v.v.. nên tu hành tướng tập. Vì đối trị luận về nhân chuyển biến, nhân thường, nên tu hành tướng sinh. Vì đối trị luận về cái “biết” là năng sinh trước, nên tu hành tướng duyên. Vì đối trị luận trở về Tự tại thành Niết-bàn mà hiển bày các uẩn diệt hẳn là Niết-bàn nên tu hành tướng diệt. Vì đối trị chấp tự thể vốn đã có giải thoát, là hoặc, khổ tạp nhiễm, vì không chánh kiến, nên tu hành tướng tĩnh. Vì đối trị luận cứ chấp Niết-bàn như bị chú nguyện, đui theo đến tàn diệt tệ hại, nên tu hành tướng diệu. Vì đối trị chấp giải thoát, lại lui sụt kiến, nên tu hành tướng ly. Vì đối trị chấp không có đạo giải thoát, nên tu hành tướng đạo. Vì đối trị khổ hạnh là kiến chân đạo và chê bai chân đạo là tà luận, nên tu hành tướng như. Vì

đối trị không Tu đạo, sinh tử tự tịnh và thế gian tạp nhiễm là chân đạo, nên tu hành tướng hành. Vì đối trị từng gặp phải đạo không lìa nhiễm hẳn, đã lừa dối, mê hoặc, đối với chân Thánh đạo, cũng không kính trọng, nên tu hành tướng xuất.

Nói cảnh tướng sở hành có riêng là Khổ Thánh đế có bốn tướng:

1. Vô thường.
2. Khổ.
3. Không.
4. Phi ngã.

Vì có sinh diệt, nên vô thường. Vì tánh ép ngặt, trái với tâm Thánh, nên khổ. Vì không có chủ thể, cho nên không. Vì trái với tướng ngã, nên phi ngã.

Tập Thánh đế có bốn tướng:

1. Nhân.
2. Tập.
3. Sinh.
4. Duyên.

Vì công năng sinh pháp nên là nhân. Vì có nhiều thứ nên là tập, vì thường sinh ra nhiều nên là sinh, vì đều giúp đỡ riêng nên là duyên.

Diệt Thánh đế có bốn tướng:

1. Diệt.
2. Tĩnh.
3. Diệu.
4. Ly.

Vì dứt các khổ nên là diệt. Vì ba thứ lửa của ba tướng hữu vi đã diệt nên là tĩnh.

Có sư khác nói: Vì các khổ dứt, nên là tĩnh, như nói: Bí-sô! Các hành đều khổ, chỉ có Niết-bàn rất vắng lặng. Vì thiện, vì thường, nên là diệu. Vì thoát khỏi phải tất cả tai họa, vì rất yên ổn, nên là ly.

Đạo Thánh đế có bốn tướng:

1. Đạo.
2. Như.
3. Hành.
4. Xuất.

Vì có khả năng liên thông từ tìm cầu tánh, tướng của các pháp đi đến giải thoát, nên là Đạo. Vì chuyển biến không có điên đảo, nên là Như. Vì hướng như thật, nên là Hành.

Có sư khác nói: Vì quyết định có thể hướng đến, nên là Hành. Như

nói: Đạo này có thể dẫn đến thanh tịnh, còn thấy (kiến) nhất định không có lý đạt đến thanh tịnh. Vì hoàn toàn hướng đến, vì quyết định có thể đến, cho nên là xuất.

Như thế, sở tri và cảnh sở hành, vì tướng có riêng, nên thật có mười sáu.

Hành tướng như thế, dùng tuệ làm thể.

Há không phải tâm, tâm sở đều được gọi là có hành tướng hay sao? Như thế, không có tuệ tương ứng với tuệ, sao có thể nói tuệ có hành tướng, không phải có hành tướng?

Chỉ tuệ tương ứng với tâm v.v... đều gọi là có hành tướng: Là tâm, tâm sở v.v... ở trong tướng phẩm loại của sở duyên có nghĩa chủ thể nhận lấy. Nếu chỉ căn cứ tuệ mà được hành tướng thì pháp tâm, tâm sở khác của tuệ và hành tướng, đều gọi có hành tướng, như vì đều lậu, nên được gọi là hữu lậu, nghĩa là đồng đối trị với thể của lậu.

Như thế pháp tâm, tâm sở khác bình đẳng với hành tướng, vận hành ở sở duyên, là đều có cùng thời gian vận hành, không có nghĩa trước, sau. Hoặc tâm, tâm sở có hành tướng, nghĩa là phần nhiều như dĩ tri căn, gọi chung có hành tướng. Hoặc dựa vào Vô gián, cũng nói tiếng “có”, như vì có đối tượng nương tựa, nên không có lỗi, nghĩa là như tâm, tâm sở đều gọi là có đối tượng nương tựa. Ý thức tương ứng với các pháp tâm sở, với thức, đối tượng nương tựa, cũng đều cùng có lúc sinh đối tượng nương tựa của thức, chỉ Vô gián diệt có hành tướng, về lý, cũng nên biết như thế. Tuệ của Vô gián diệt đối với hiện tại đâu có khả năng. Tuệ này đối với hiện hữu, có công năng như ý Vô gián diệt.

Nếu vậy, thì đặc của thọ v.v... có danh của thọ v.v... thừa nhận cũng không có trái, nhưng không phải là đối tượng giải thích.

Trong đây, Kinh chủ dựa vào tông người khác, nói thế này: Các tâm, tâm sở nhận lấy loại cảnh khác nhau, đều gọi hành tướng, về lý, chưa hẳn là đúng. Vì phải tư duy những gì gọi là tâm, tâm sở nhận lấy loại cảnh riêng? Nếu cho rằng phẩm loại cảnh tướng sai khác, thì tất cả có khả năng giống nhau, về lý, tất nhiên sẽ không thành, vì các cảnh có các tướng sai khác: thiện, thường v.v... Hoặc các sắc pháp cũng hành tướng, gồm nhiếp sắc pháp cũng có khả năng giống với tướng khác.

Nếu cho rằng khả năng nhận lấy cảnh, tướng sai khác, thì hành tướng của năm thức sẽ không thành, vì không thể nhận lấy cảnh tướng sai khác, mà phải có thức phân biệt, mới có khả năng nhận lấy tướng sai khác của cảnh xanh, không phải vàng v.v... Tuy nhiên, vì không phải nghĩa được thừa nhận, nên về lý không thành. Do đó, chỗ giải thích của

tông ta là đúng, nghĩa là chỉ các tuệ phân biệt, lựa chọn ở trong tướng cảnh, mà chuyển biến, gọi là hành tướng. tuệ và các pháp tâm, tâm sở khác vì có cùng sở duyên, nên đều là chủ thể hành. Tên chủ thể hành này lẽ ra chỉ được gọi cho thể của hành tướng tuệ. Tâm, tâm sở khác đã không phải hành tướng, thì làm sao là chủ thể hành?

Nếu cho rằng pháp khác được gọi là chủ thể hành, vì tương ứng với hành tướng khởi, vậy thì tuệ v.v... cùng tương ứng với thọ, lẽ ra gọi là chủ thể thọ?

Mặc dù có lời này, nhưng về lý thì không đúng, nghĩa là môn khác của tuệ, gọi là hành tướng. Chủ thể hành, tức là tên riêng của nhận lấy cảnh, không phải nói chủ thể hành là để riêng chỉ về tuệ. Đâu thể dùng thể của thọ v.v... không phải hành tướng, bèn đặt ra vấn nạn ấy. Lẽ ra không phải chủ thể hành, như tuệ ở trong cảnh có công năng phân biệt lựa chọn, ấy là thừa nhận gọi tuệ là chủ thể hành.

Đã ở trong cảnh, tướng có công năng nhận lấy hình tượng, thức có công năng biết rõ v.v...đâu thể không phải là chủ thể hành? Cho nên, tên gọi chủ thể hành, là gọi chung nhận lấy cảnh, nên thọ v.v... cũng là chủ thể hành. Còn sở hành, gọi chung là tất cả pháp có, hoặc thật, hoặc giả đều là sở hành.

Do thể của ba môn này rộng, hẹp, tuệ đi suốt qua hành tướng, chủ thể hành, sở hành. Tâm, tâm sở khác, chỉ là chủ thể, sở hành. Các pháp khác chỉ là sở hành.

Tụng nói: Nói các hữu, lẽ ra tùy theo trừ một, tùy theo giải thích một thứ nghĩa đã thành.

Như Đức Thế Tôn nói: “Tất cả pháp, nghĩa là trong mười hai xứ, chỉ có việc này là “hữu”, nên nói các pháp là nói sở hành.

Đã nói sở hành chỉ là pháp hữu, hoặc nói pháp hữu là nói: pháp sở hành.

Đã nói sở hành là tất cả pháp. Các pháp giả hữu không là đối tượng nương tựa, cũng tùy theo đối tượng nương tựa, vì thuộc về các xứ, vì thâm nhiếp có tận, đều nói không có lỗi.

Đã nói về hành tướng sai khác của mười trí, nay sẽ nói về tánh gồm nhiếp nương tựa địa, nương tựa thân. Tụng rằng:

*Tánh tục ba, chín thiện  
Dựa tục địa, tất cả  
Tha tâm trí chỉ bốn  
Pháp sáu còn bảy, chín  
Hiện khởi thân chỗ dựa*

*Tha tâm dựa Dục, Sắc  
Pháp trí chỉ dựa Dục  
Tám khác chung ba cõi.*

**Luận nói:** Mười trí như thế, gồm nhiếp ba tánh, nghĩa là thế tục có cả ba tánh, chín trí còn lại, chỉ là thiện. Căn cứ vào địa riêng, nghĩa là thế tục trí chung dựa vào cõi Dục, cho đến Hữu đảnh. Tha tâm trí chỉ dựa vào bốn tĩnh lực căn bản, không dựa vào Trung gian tĩnh lực phần gần. Vì sở duyên của trí này rất nhỏ nhiệm, nghĩa là dựa vào sức của đạo yếu kém của địa tĩnh lực kia, không thể thấu đạt người khác, trong liên tục, pháp tâm, tâm sở hiện tại nhỏ nhiệm, cũng không nương tựa Vô sắc, vì không có gia hạnh này. Lại, vì chung cả ba tánh nên địa khác không phải nương tựa. Vì chỉ, quán v.v... đối tượng nương tựa của năm thông, nên Pháp trí dùng sáu địa làm chỗ dựa, nghĩa là Vị chí, Trung gian, bốn tĩnh lực căn bản, không căn cứ ở phần gần khác, vì địa ấy chỉ hữu lậu, cũng không dựa vào Vô sắc, vì tĩnh lực này duyên cõi Dục. Bản trí còn lại lấy chín địa làm chỗ dựa, nghĩa là ba Vô sắc và sáu địa đã nói ở trước, nói chung như thế, nhưng có sai khác, nghĩa là ở đây, đã nói loại trí trong bảy thứ trí, quyết định căn cứ chín địa khởi khổ, tập, diệt, đạo, tận, vô sinh trí. Nếu pháp trí gồm nhiếp sáu địa làm chỗ dựa thì loại trí sẽ thâm nhiếp, dựa chung chín địa. Nương tựa thân riêng. Nghĩa là trí tha tâm căn cứ cõi Dục, Sắc đều có thể hiện tiền, không dựa vào Vô sắc, vì cõi kia tự không có, nên không khởi tha tâm trí của địa dưới. Trí này tùy chuyển sắc, vì cõi Sắc kia không chấp nhận khởi. Pháp trí chỉ dựa vào thân cõi Dục khởi, chẳng phải hai cõi trên. Nhập xuất trí này, các tâm hữu lậu chỉ ở cõi Dục có. Lại Pháp trí tùy chuyển sắc, các đại chủng là chỗ dựa ở cõi Dục ràng buộc.

Lại, chủ thể trị này khởi phá hoặc giới, vì phá giới chỉ ở cõi Dục, không phải cõi trên. Tám trí còn lại hiện khởi, căn cứ chung vào thân ba cõi.

Đã nói về tánh của địa, thân nay sẽ nói thuộc về niệm trụ. Tụng rằng:

*Các trí thuộc niệm trụ  
Diệt trí chỉ sau cuối  
Tha tâm trí ba sau  
Tám trí khác chung bốn.*

**Luận nói:** Diệt trí gồm nhiếp trong Pháp niệm trụ. Tha tâm trí gồm nhiếp ba niệm trụ sau. Tám trí còn lại đều chung cả bốn.

Mười trí như thế, lần lượt đối nhau, mỗi trí sẽ nói bao nhiêu trí làm

cảnh? Tụng rằng:

*Các trí duyên lẫn nhau  
Pháp, loại, đạo đều chín  
Trí khổ, tập đều hai  
Bốn đều mười, diệt phi.*

**Luận nói:** Pháp trí năng duyên chín trí làm cảnh, trừ Loại trí. Loại trí có thể duyên chín trí làm cảnh, trừ Pháp trí. Đạo trí có thể duyên chín trí làm cảnh, trừ Thế tục trí, vì không thuộc về đạo. Hai khổ, tập trí, mỗi trí có thể duyên hai trí làm cảnh, đó là Tục và Tha tâm trí. Thế tục, Tha tâm, Tận, Vô sinh trí đều duyên với mười trí. Diệt trí không duyên, chỉ dùng trạch diệt làm sở duyên.

Sở duyên của mười trí, gồm có bao nhiêu pháp? trí nào? Có bao nhiêu pháp làm cảnh của sở duyên? Tụng rằng:

*Sở duyên gồm có mười  
Tức ba cõi vô lậu  
Vô vi đều có hai  
Tục duyên mười, pháp năm  
Loại bảy, khổ, tập sáu  
Diệt duyên một, đạo hai  
Tha tâm trí duyên ba  
Tận Vô sinh đều chín.*

**Luận nói:** Sở duyên của mười trí, nói chung có mười pháp, nghĩa là pháp hữu vi được chia làm tám thứ. Hữu vi vô lậu thuộc về ba cõi, đều có tương ứng, bất tương ứng. Vô vi được chia làm hai thứ: là thiện, và vô ký khác nhau.

Tục trí duyên tổng quát mười pháp làm cảnh.

Pháp trí duyên năm, đó là cõi Dục hai, đạo vô lậu hai và thiện vô vi.

Loại trí duyên bảy, đó là Sắc, Vô sắc, đạo vô lậu sáu và thiện vô vi.

Diệt trí duyên một, đó là thiện vô vi.

Đạo trí duyên hai, đó là đạo vô lậu.

Tha tâm trí duyên vô lậu cõi Dục, Sắc, ba pháp tương ứng.

Tận Vô sinh trí duyên hữu vi tám và thiện, vô vi.

Lại có một niệm, trí duyên tất cả pháp hay không?

Không đúng.

Há không là trí quán phi ngã, biết tất cả pháp đều phi ngã ư?

Trí này cũng không thể duyên tất cả pháp, không duyên pháp

nào, thể của pháp này là gì? Tụng rằng:

*Tục trí trừ phẩm mình  
Duyên chung tất cả pháp  
Là hành tướng phi ngã  
Chỉ vẫn, tư được thành.*

**Luận nói:** Lúc dùng thể tục trí quán tất cả pháp phi ngã thì vẫn trừ phẩm mình. Phẩm mình nghĩa là tự thể tương ứng với pháp câu hữu.

Vì sao không duyên với tự thể làm cảnh?

Các người Đối pháp lập ra nhân này rằng: Các pháp nhất định không đợi tự thể.

Lời nói này, ý biểu thị khi các pháp sinh, tùy theo chúng thích ứng đợi tánh của bốn duyên, tùy thuộc ở có thiếu duyên nào thì pháp sẽ không sinh, không thiếu thì sinh, lập làm tánh duyên. Khi các pháp không thiếu tự thể, nên rất ráo không thiếu là nghĩa không sinh. Làm sao có thể kiến lập làm duyên chờ đợi?

Nếu cho rằng thể của chúng như hư không v.v... không có chướng ngại, có thể lập làm duyên cũng không đúng lý, vì hư không v.v... đối với pháp được sinh hiển nhiên là thuộc tánh pháp khác, là duyên của pháp khác

Lại, do hiện dụ, chứng tỏ các trí sinh không thể duyên với cảnh là tự thể, nghĩa là thấy dao, mũi nhọn, đầu ngón tay và vai. Như thứ lớp, không thể tự cắt, xúc chạm, gánh vác. Lại, tà kiến, tha tâm trí và niệm trụ, khổ trí v.v... đều có lỗi kiến lập không thành.

Nếu cho rằng như đèn, tự nó và xung quanh (tự, tha) đều cùng soi rọi, trí nên như vậy thì cũng không đúng lý. Vì thể soi rọi của đèn không thành thật. Nghĩa là sự sai khác của nhóm hiển sắc, gọi là đèn, nhân sinh nhãn thức được nói là soi rọi. Vì trái với bóng tối, nên nói là chủ thể hủy hoại. Bình v.v... là vật ngăn cản sự chiếu sáng của đèn, nhân do có chủ thể đèn chiếu này, nên bình v.v... có thể thấy rõ, gọi là soi rọi bình v.v... ngoại trừ giả nói không có thật, có sự soi rọi có thể soi tự thể, cũng như muối v.v... chỉ là tự thể của nó, vì chuyển biến như thế.

Lại, nếu thừa nhận đèn là chủ thể soi chiếu, bèn thừa nhận đèn tự chiếu sáng đèn, cũng chiếu sáng chung quanh, thì như thế lẽ ra chấp nhận bóng tối cản, với lực tự cản và cản xung quanh và lửa vốn là chủ thể đốt, nên tự đốt, đốt vật khác. Lửa kia đã không đúng, thì đèn làm sao như thế?

Nếu cho rằng, sức của đèn xua tan chướng ngại bình, đèn, và hiển rõ hai thứ: Bình, đèn biết bóng tối, nên đều gọi là soi rọi cũng không

đúng lý. Vì bóng tối, với bình, đèn có hợp, không hợp nghĩa là bóng tối hợp với bình, có thể nói là bình Nay, dù có bình, nhưng cái biết không khởi. Do đó nói bóng tối có thể chướng ngại cái biết về bình, khi đèn sinh thì bóng tối diệt, cái biết rõ bình phát sinh. Vì thế nên thế gian nói có tác dụng soi rọi bình, không hề có khi nào bóng tối hợp với đèn. Chớ có lỗi vì không trái nhau mà nói không có đối trị nhau. Cho nên không thể nói bóng tối che khuất đèn. Đã không có đèn, thì không thể sinh cái biết cũng không thể nói bóng tối có thể làm chướng ngại cái biết. Do đó khi có đèn, dù cho bóng tối mất, mà không thể nói là bị soi rọi như bình.

Lại có nhân nào chấp tác dụng của trí biết, chỉ như đèn soi rọi, không phải dao cắt v.v...?

Nghĩa là nhận thấy lý do nào chấp trí và đèn? Pháp dụ sâu xa như thế, không phải đối với dao v.v... Cho nên, dẫn dụ đèn. Vì lực chứng minh dao v.v... không đủ .

Có sự nói thế này: Trí đối với tự thể, không biết tự tướng cộng tướng, có thể biết.

Về lý, cũng không đúng.

Đã nói về tự thể không dùng tự thể làm sở duyên, nên đối với tự tướng của mình đã không bao giờ có thể nhận lấy, thì chắc chắn không dùng mình để làm sở duyên.

Đã không phải sở duyên, thì sao lại lấy cộng tướng?

Nên ở đây lập lời nói tỉ lượng: Tự tướng lẽ ra cũng làm cảnh của tự thể, vì thể tướng của mình cũng như tự tướng, hoặc lẽ ra cộng tướng không phải cảnh tự thể vì tướng tự thể giống như tự tướng.

Vì thế, nên lý duyên cộng tướng không thành. Lại, trí hiện tiền, nếu duyên theo tự thể thì lẽ ra thừa nhận tự thể, cũng là đối tượng nương tựa. Nếu thừa nhận tự duyên và tự nương tựa, thì lẽ ra tự thể được kiến lập. Vì tự kiến lập, nên thừa nhận là thường, vì thường, nên không có nghĩa năng duyên người khác. Lại, sự nhận biết của trí nên không có khác, thì nhất định không có trí nào có thể duyên theo tự thể.

Nếu cho rằng tự tướng, cộng tướng như thứ tự là năng duyên, sở duyên, thì về lý cũng không đúng, vì trước đã nói, nghĩa là trước đã nói: Đã không tự duyên tự tướng làm cảnh, vì là tướng tự thể, thì cũng không nên duyên cộng tướng làm cảnh, tức do lý này, không duyên tương ứng. Vì tương ứng với một cảnh chuyển nên thừa nhận duyên tương ứng, ấy là phải thừa nhận tự duyên, cũng không thể duyên pháp câu hữu, vì pháp câu hữu rất gần nhau, như mắt không thấy sắc giúp cho nhãn căn.



Khế kinh cũng nói: Trí của một sát-na, không có khả năng biết tức khắc cảnh của tất cả pháp. Như thế kinh nói: Không có Sa-môn, Bà-la-môn v.v... nào thấy, biết ngay tức khắc, nghĩa đối với tất cả pháp, so sánh chỉ trí này biết dần dần, chỉ là thuộc về cõi Dục, cõi Sắc, trong cõi Vô sắc dù có loại này, nhưng duyên chút pháp, không phải là sáng suốt.

Đây là tuệ do văn, tư, tu tạo thành, đều có thể trừ tự phẩm duyên tất cả pháp. Nhưng Kinh chủ nói: Không phải tu tạo thành vì tu tạo thành ở địa, duyên khác. Nếu khác với đây, thì phải lìa nhiễm tức khắc, điều này không đúng.

Nói do tu thành chỉ là duyên riêng địa thì không đúng, nghĩa là tông ta đã thừa nhận tuệ do tu thành thuộc về địa tính lự, có công năng duyên chung, tùy theo cảnh của chỗ chính thân nương tựa nên chán dưới, ưa trên, mới có thể lìa nhiễm.

Ở đây đã duyên chung, chỉ vì ưa thích hành tướng, nên đối với việc lìa nhiễm, không có công năng. Do đó, lời nói kia thật phi lý.

Đã nói về sở duyên, lại phải tư duy lựa chọn: Ai thành tựu bao nhiêu trí? Tụng rằng:

*Phàm phu, Thánh Kiến đạo  
Niệm đầu, định thành một  
Hai định thành ba trí  
Bốn sau mỗi mỗi tăng  
Tu đạo, định thành bảy  
Lìa dục, thêm tha tâm  
Vô học độn lợi căn  
Định thành chín thành mười.*

**Luận nói:** Các địa vị phàm phu và Thánh Kiến đạo, sát-na thứ nhất, chắc chắn thành một trí, nghĩa là thế tục trí. Sát-na thứ hai, chắc chắn thành ba trí, nghĩa là thêm Pháp, Khổ. Sát-na thứ tư, sáu, mười, mười bốn, như thứ lớp sau, thêm Loại, Tập, Diệt, Đạo trí, các địa vị chưa tăng, thành số như trước, nên trong địa vị tu, cũng chắc chắn thành bảy.

Các phần vị như thế, nếu đã lìa dục, thì mỗi giai vị đều tăng một, nghĩa là Tha tâm trí chỉ trừ phàm phu sinh Vô sắc. Tuy nhiên, phần vị phàm phu và trong Kiến đạo, chỉ có thể thành tựu Tha tâm trí, Thế tục trí, lúc Đạo Loại trí thành đủ hai thứ. Bấy giờ, mới được quả Bất hoàn, nên gồm được vô lậu để thành thể của quả. Trong quả vị tu khác, đều thành đủ hai.

Người sinh Vô sắc, liền xả Thế tục. Các Thời giải thoát chắc chắn thành chín trí, nghĩa là thêm Tận trí, Bất thời giải thoát, chắc chắn thành tựu mười, nghĩa là thêm Vô sinh trí.

Ở trong quả vị nào tu tức khắc bao nhiêu trí? Vả lại, nên tư duy lựa chọn: tu là sao? Nghĩa là tập thiện hữu vi, sao cho được viên mãn, tự tại. Không phải nhiễm, vô ký, nghĩa là không có quả ái thù thắng. Không phải thiện vô vi, nghĩa là không nối tiếp nhau.

Lại vô vi vì không có quả.

Đã nói về nghĩa tu. Trước hỏi thuận theo đáp. Vả lại, trong mười tám tâm Kiến đạo, tụng rằng:

*Kiến đạo, Nhân trí khởi  
Tức tu vị lai kia  
Ba loại trí gồm tu  
Tục trí hiện quán biên  
Không sinh địa mình, dưới  
Bốn khổ, tập sau diệt  
Cảnh hành tướng để mình  
Chỉ gia hạnh đạt được.*

**Luận nói:** Trong địa vị Kiến đạo, thuận theo khởi Nhân trí, đều tức là Loại trí tu ở vị lai, nhưng tu đủ niệam trụ, các hành tướng của đế mình.

Vì sao Kiến đạo chỉ tu đồng loại? Vì đối tượng tạo tác, sở duyên đều cùng có nhất định khác nhau?

Có thuyết nói: Chúng tánh này trước kia vì chưa từng được, nên chỉ lúc ba trí khổ, tập, diệt thì Loại trí có thể gồm tu ở vị lai. Thế tục trí của hiện quán biên là hiện quán mỗi đế ở biên hạn cuối cùng mới có thể gồm tu, nên đặt hiệu này. Do đó, địa vị khác chưa có khả năng gồm tu, vì việc làm của đế mình chưa viên mãn.

Có thuyết nói: Nếu ở địa vị Pháp trí này mà tu, lẽ ra phải nói là Thế tục trí trong hiện quán, kinh không nên đặt tên gọi “hiện quán biên”.

Ba địa vị đã tu, vị nào cao vị nào thua kém?

Nếu căn cứ sự nối tiếp nhau thì sau thù thắng hơn trước, nhân tăng trưởng thân khởi đắc kia. Nếu nói theo cõi thì địa trên đều thù thắng hơn địa dưới. Cho nên vị trước đã tu thuộc cõi Sắc thì cõi tốt đẹp, thân thua kém, vị sau đã tu lệ thuộc cõi Dục, thì cõi thua kém, thân tốt đẹp (Vấn đề này có bốn luận chứng nên tư duy như lý).

Lúc Đạo Loại trí, sao không tu trí này?

Vì trí này chỉ là quyền thuộc của Kiến đạo, vì thuộc về Tu đạo kia, nên không thể tu. Ý ở đây nói là vì tu bầy xứ thiện làm hạt giống, vì Kiến đạo được sinh, nên khi Kiến đạo sinh, thì nói trí kia là quyền thuộc. Hoặc Thế tục trí từ vô thỉ đến nay, ở trong ba đế, từng biết đoạn, chứng, vì chưa từng Tu đạo, nên hiện nay không tu. Hoặc do thời nay, vì nhận thấy đạo chân, đạo tà hổ thẹn tránh né, nên không phải đối tượng tu. Hoặc hiện quán biên, mới tu trí này, vì đạo vô biên, nên địa vị này không tu, nghĩa là trong ba đế, căn cứ sự hiện quán, chấp nhận một hành thì được chung biên kia, tất nhiên, không có người có khả năng tu khắp đạo, vì đạo của căn tánh khác không thể tu. Đối với căn tánh của mình, dù chấp nhận được tu, nhưng vì trong trăm, ngàn phần không khởi một. Mặc dù ở giai vị Kiến đạo, chưa dứt khắp tập, chưa chứng khắp diệt, mà ở vị vị lai, dứt tập, chứng diệt, sự nghiệp đó đã chu toàn.

Lúc Đạo Loại trí mê hoặc đạo đế, các đạo đối trị cũng không tu khắp, vì căn chủng tánh có nhiều phẩm.

Do đó, đối với ba đế, Đức Thế Tôn nói tiếng biên, như trong Khế kinh nói: Có biên thân khổ, có biên thân tập, có biên thân diệt, không hề có kinh nào nói có biên thân đạo. Vì không có khả năng Tu đạo ở bờ mé cùng cực.

Trí thế tục này là pháp bất sinh, vì trong tất cả thời gian, đều không chấp nhận khởi. Sự khởi này dựa vào thân chắc chắn không sinh, nghĩa là thân Tùy tín hành, Tùy pháp hành, chấp nhận có làm nương tựa dẫn trí này khởi, ở địa vị Kiến đạo vì trí này không chấp nhận sinh, nên trí này dựa vào thân trụ không sinh pháp, vì dựa vào bất sinh, nên trí này sẽ bất sinh.

Nếu vậy, căn cứ vào đâu để nói là có nghĩa tu?

Vì căn cứ vào tu đắc. Nghĩa là vào lúc bấy giờ khởi đắc tự tại, vì chương duyên khác, nên tự thể không hiện tiền, tức do nguyên nhân này, nên gọi là đắc.

Vì chứng đắc kia khởi tự tại, do có các pháp, đắc liền hiện tiền, như Tận trí v.v...

Hoặc có các pháp trước đắc, sau hiện tiền, như Vô sanh trí v.v...

Hoặc có các pháp đắc không bao giờ hiện tiền như Vô sanh trí v.v... này.

Hoặc có các pháp không đắc mà hiện tiền, như sắc bên ngoài v.v... không có sở hữu tình, pháp không đắc mà hiện tiền, nên cho dù bất sinh mà vẫn có nghĩa tu.

Trong đây, Kinh chủ gạn hỏi thế này: Đã không có khả năng khởi

đắc nghĩa, thì căn cứ vào đâu để nói về tu?

Về lý, không thành lập, như sư xưa nói về tu nghĩa có thể thành.  
Thuyết đó nói thế nào?

Do năng lực của Thánh đạo, tu trí thế tục, sau khi xuất quán, sẽ có thắng duyên để, trí thế tục hiện tiền, vì đắc để này khởi nương tựa, nên gọi đắc trí này như được mỡ vàng, gọi là được vàng.

Đắc này chỉ có lời như đã gạn hỏi v.v... sao trí này không hiện ở trước?

Lời nói được khởi nương tựa, nói danh là đắc, không phải đắc nương tựa ngôn này, có thể gọi trí này hiện tiền. Chớ cho là đối tượng nương tựa của đắc này, tức vì thể của đắc này.

Nếu cho rằng công năng kiến, không kiến của địa vị ở sau có sai khác, thì cũng không đúng, vì đã thừa nhận khởi, vì dựa vào trụ không bao lâu, không phải khi khởi nương tựa rồi xả, có trí này hiện tiền, nên xả bỏ khởi sự nương tựa, tất nhiên, không hiện khởi về sau, làm sao kiến có thể khởi công năng? Các hữu khởi nương tựa, thì có thể hiện khởi. Ở vị trí có khởi nương tựa đâu thể không hiện tiền?! Đã không hiện tiền, khởi nương tựa đâu thể có!?

Thuyết kia nói đã không thể khởi đắc nghĩa, dựa vào đâu để vì gạn hỏi phi lý mà tự thừa nhận không khởi cũng gọi là đắc?

Tùy theo dựa vào địa nào, Kiến đạo hiện tiền có khả năng tu vị lai địa mình, địa dưới mình?

Nghĩa là Tục trí này lấy bảy địa làm chỗ dựa, tức Vị chí, Trung gian, bốn tĩnh lực, cõi Dục. Nếu nương dựa Vị chí, Kiến đạo hiện tiền thì sẽ có thể tu Kiến đạo của một địa ở vị lai, thế tục trí của hai địa đến chỗ dựa thứ tư, Kiến đạo hiện tiền, khả năng tu Kiến đạo của sáu địa ở vị lai. Tục trí của bảy địa, tu bên khổ, tập. Bốn niệm trụ, gồm nhiếp tu bên diệt, chỉ pháp niệm trụ, tùy theo tu bên Đế hiện quán nào. Tức dùng hành tướng này duyên để này làm cảnh, nghĩa là nếu tu bên hiện quán khổ đế, tức dùng duyên bốn thứ hành tướng khổ.

Nếu lệ thuộc cõi Dục duyên khổ cõi Dục, lệ thuộc cõi Sắc duyên khổ đế cõi trên.

Nếu tu hiện quán biên tập đế, tức dùng duyên tập hợp bốn thứ hành tướng. Nếu lệ thuộc cõi Dục thì sẽ duyên tập cõi Dục. Người lệ thuộc cõi Sắc, sẽ duyên tập đế cõi trên. Nếu tu bên hiện quán ở diệt đế, thì dùng duyên diệt bốn thứ hành tướng. Nếu lệ thuộc cõi Dục, thì sẽ duyên diệt cõi Dục, người lệ thuộc cõi Sắc sẽ duyên diệt đế cõi trên.

Trí thế tục này chỉ gia hạnh đắc, tức do gia hạnh của Kiến đạo

đắc. Người thuộc cõi Dục, là do tư mà thành, người thuộc cõi Sắc là do tu thành, không phải do văn mà thành, vì văn kia yếu kém. Vì trí tăng, nên đặt tên trí. Nếu đều tùy theo hành thì sẽ dùng bốn uẩn cõi Dục, năm uẩn cõi Sắc làm tự tánh của mình. Kế là, ở trong địa vị lia nhiệm của Tu đạo. Tụng rằng:

*Tu đạo, sát-na đầu  
Tu sáu hoặc bảy trí  
Dứt tám địa Vô gián  
Và đạo hữu dục khác  
Tám giải thoát, Hữu đẳng  
Đều tu ở bảy trí  
Vô gián trên, đạo khác  
Thứ lớp tu sáu, tám.*

**Luận nói:** Niệm đầu của Tu đạo, nghĩa là khi Đạo Loại trí thứ mười sáu, hiện tu hai trí, nghĩa là Đạo và Loại, tên khác chẳng phải thể. Người chưa ly dục, tu vị lai sáu, nghĩa là Pháp, Loại, Khổ, Tập, Diệt và Đạo.

Ly dục, tu bảy. Nghĩa là thêm Tha tâm, vì trí Hữu đẳng, nên không tu Thế tục. Người trước đã lia dục, nhập Thánh đạo. Vì sao trong Kiến đạo, không tu Tha tâm trí?

Vì Tha tâm trí thuộc về công đức của việc quán thông xả. Nướng vào đạo dễ dàng, mới có nghĩa tu. Trong vị Kiến đạo là quán đế lý, vì gia hạnh rất nhanh chóng, nên không thể tu. Nghĩa trong đạo Vô gián cũng đồng với ở đây.

Nay, thời điểm Đạo Loại trí thứ mười sáu vì đạo dễ dàng thu được nên tu trí này đoạn dục, tu đoạn là chín đạo Vô gián, tám đạo Giải thoát. Bốn Pháp trí, Thế tục trí tùy theo chỗ thích ứng, hiện tu. Đoạn bảy địa trên là các đạo Vô gián. Bốn Loại, Thế tục, Pháp trí Diệt, Đạo, tùy theo chỗ thích ứng, hiện tu. Đạo đoạn gia hạnh cõi Dục, có thắng tiến của cõi Dục. Thế tục, bốn Pháp, Loại, tùy theo chỗ ứng hiện tu.

Trên đây, vị lai đều tu bảy trí, nghĩa là Tục, Pháp, Loại, Khổ, Tập, Diệt, Đạo trí, dứt địa Hữu đẳng là tám giải thoát trước, bốn Loại hai Pháp, thuận theo chỗ thích ứng hiện tu. Hành giả này ở vị lai, cũng chỉ tu bảy, nhưng trừ Thế tục thêm Tha tâm trí. Chín đạo Giải thoát đoạn địa Hữu đẳng thì bốn Loại, hai Pháp tùy theo chỗ ứng hợp hiện tu. Sáu trí: Pháp, Loại, Khổ, Tập, Diệt, Đạo tu vị lai, dứt cõi Dục tu đoạn giải thoát thứ chín, bốn Pháp trí, Thế tục trí tùy theo chỗ thích ứng, hiện tu. Các đạo Giải thoát đoạn bảy địa trên. Bốn Loại, Thế tục, Diệt, Đạo

Pháp trí thích ứng, hiện tu. Đoạn cỡi Dục, tu đoạn đạo thắng tiến thứ chín. Các đạo gia hạnh đoạn tám địa trên, Thế tục, bốn Pháp, Loại tùy ứng hiện tu. Đoạn tám phẩm Hữu đảnh của bảy địa trên, bốn Pháp, Loại, Thế tục của các đạo Thắng tiến và Tha tâm trí thuận theo ứng hiện tu. Đạo đã tu trước, chấp nhận hiện tiền.

Trên đây hành giả đều tu tám trí ở vị lai đó là Pháp, Loại, bốn Đế, Tha tâm, Thế tục, bốn loại không thể dứt nhiệm cỡi Dục, hai pháp Khổ, Tập không phải đối trị cỡi trên.

Duyên cớ nào khởi trí đối trị nhiệm cỡi Dục kia, trí này còn tu vị lai? Nếu thừa nhận gồm tu, không phải đối trị, thì lìa nhiệm v.v... Hữu Đảnh, lẽ ra gồm tu thế tục?

Lời vấn nạn này phi lý, vì chỉ đồng đối trị với tu vị lai thì không được thừa nhận. Nghĩa là vì cũng thừa nhận có lệ thuộc với nhau, nên tu. Như tu Thế tục trí trong Kiến đạo, hoặc do sức của nhân giúp đỡ nên tu, như khi dứt dục, gồm tu bốn loại, ở vị đoạn nhiệm của địa trên, tu pháp khổ, tập. Nếu dứt nhiệm cỡi Dục, không tu Loại trí, đoạn cỡi trên không tu hai pháp khổ, tập thì dần dần sẽ được quả Bất hoàn, lẽ ra không cần khởi Loại trí hiện tiền. A-la-hán lẽ ra không khởi Pháp trí, khổ, tập vì đã được trước đây, đều đã bỏ, pháp mà trước đây chưa được thì không phải sở tu. Do căn cứ ở chủng loại, nếu trước kia đã được thì là sức của nhân Đồng loại, dẫn trí đẳng lưu sinh trí này. Do trước đây, vì trí kia đã dẫn, nên đối với loại trí kia, lại có công năng làm nhân, nên trí này sinh. Do sức của nhân giúp đỡ, nuôi nấng trí kia, dù không phải đồng đối trị, nhưng cũng tu vị lai.

Kế đây sẽ nói về địa Vô học do lìa nhiệm mà đắc. Tụng rằng:

*Sát-na đầu Vô học  
Tu chín hoặc tu mười  
Vì căn độn, lợi khác  
Đạo thắng tiến cũng thế.*

**Luận nói:** Niệm đầu tiên Vô học, nghĩa là dứt Hữu đảnh. Đạo Giải thoát thứ chín, nếu tập, loại, hết, thì vì tùy theo sự thích ứng, hiện tu duyên Hữu đảnh. Đạo thắng tiến chín, mười tùy sự thích ứng hiện tu. Vị lai tùy theo sự thích ứng, tu chín, tu mười, nghĩa là người căn độn chỉ trừ vô sinh trí, kẻ lợi căn cũng tu Vô sanh trí.

Kế sẽ nói về địa khác, tu trí ít, nhiều, tụng rằng:

*Đạo Vô gián luyện căn  
Học sáu, Vô học bảy  
Học khác, sáu, bảy, tám*

*Nên tám, chín tất cả  
Tu xen cả Vô gián  
Học bảy nên tám, chín  
Đạo khác học tu tám  
Nên chín, hoặc tất cả  
Thánh khởi các công đức  
Và các hàng phàm phu  
Chỗ tu trí ít, nhiều  
Đều như lý, nên xét.*

**Luận nói:** Các đạo Vô gián luyện căn của vị Hữu học, bốn pháp, loại trí, tùy ứng hiện tu vị lai sáu: Bốn đế, pháp loại vì giống với Kiến đạo, nên không tu thế tục, vì khả năng dứt chướng, nên không tu tha tâm. Bốn pháp, loại trí của các đạo Giải thoát, tùy theo chỗ thích ứng hiện tu, với người chưa lìa dục, tu vị lai sáu: Bốn đế, pháp, loại, người đã lìa dục, tu vị lai bảy, nghĩa là thêm tha tâm trí.

Có sư khác nói: Địa vị đạo Giải thoát cũng tu thế tục. Bốn pháp, loại trí, trí thế tục, của các đạo gia hạnh, tùy theo chỗ thích ứng với tu hiện tại. Người chưa lìa dục, tu vị lai bảy, đã lìa dục tám. Nghĩa là thêm tha tâm. Các đạo thăng tiến nếu chưa lìa dục, thì thế tục, bốn pháp, loại, tùy theo chỗ thích ứng với tu hiện tại, vị lai cũng bảy.

Nếu đã lìa dục, thì bốn pháp, loại thế tục, và trí tha tâm sẽ tùy theo chỗ thích ứng với tu hiện tại, vị lai cũng tám. Vô học luyện căn, bốn loại, hai pháp, của các đạo Vô gián, tùy theo chỗ thích ứng với tu hiện tại, tu vị lai bảy: Bốn đế, pháp, loại, hết không tu thế tục, như trị Hữu danh, nên năm, tám giải thoát trước, bốn loại, hai pháp, tùy theo sự thích ứng với tu hiện tại. tu vị lai tám: Pháp, loại, bốn đế, tha tâm và tận. Bốn giải thoát thứ chín, khổ, tập, loại, hết, tùy theo chỗ thích ứng với hiện tu. Tu chín giải thoát sau cuối. Ở vị lai, khổ, tập, loại, hết, tùy sự thích ứng với hiện tại, tu vị lai mười, các đạo gia hạnh, tu hiện tại, như học, tu vị lai, chín đạo thăng tiến. Người căn tánh chậm lụt, chín trí tùy sự thích ứng với tu hiện tại, vị lai cũng chín.

Người căn tánh nhạy bén, mười trí tùy theo sự thích ứng với tu hiện tại, vị lai cũng mười.

Địa vị học, tu xen lẫn các đạo Vô gián, bốn pháp, loại, tục, tùy theo sự thích ứng với tu hiện tại, tu vị lai bảy.

Các đạo Giải thoát chỉ bốn pháp, loại, gia hạnh tăng thêm thế tục, các đạo thăng tiến lại thêm tha tâm, tùy theo sự thích ứng với tu hiện tại, vị lai đều tám.

Vô học tu xen lẫn các đạo Vô gián tu hiện tại, như Hữu học, vị lai đã tu căn tánh chậm lụt tám, nhạy bén chín. Các đạo Giải thoát chỉ bốn pháp, loại, gia hạnh thêm tục, tùy theo chỗ thích ứng tu hiện tại, tu vị lai, căn tánh chậm lụt chín, căn tánh nhạy bén mười. Các đạo thăng tiến đồng với luyện căn. Địa vị học tu chung năm đạo Vô gián, hiện tu trí thế tục, tu vị lai bảy. Túc trụ thần cảnh, hai đạo Giải thoát, năm đạo Gia hạnh. tu trí thế tục, tha tâm hiện tại, giải thoát pháp, loại, thế tục và tha tâm trí, tất cả thăng tiến và khổ, tập, diệt, đều tùy theo chỗ thích ứng tu hiện tại.

Tu vị lai ở cõi trên đều tu tám trí. Vô học tu có cả năm đạo Vô gián, tu hiện tại như Hữu học, tu vị lai, căn tánh chậm lụt tám, căn tánh nhạy bén chín. Giải thoát, gia hạnh, tu hiện tại như Hữu học, tu vị lai, căn tánh chậm lụt chín, nhạy bén mười. Các đạo thăng tiến đồng với luyện căn. Hai đạo Giải thoát thiên nhãn, thiên nhĩ, vì tánh vô ký, nên không gọi là tu. Các bốn vô lượng đẳng của bậc Thánh khởi do tu mà thành, khi đức hữu lậu hiện tại đều tu một trí thế tục.

Hữu học vị lai chưa lìa dục bảy, đã lìa dục tám. Vô lậu vị lai, căn tánh chậm lụt chín, nhạy bén mười, trừ tâm vi vi, Vô học này vì chỉ tu tục ở vị lai, nên, nếu khởi công đức vô lậu khác thuộc về tính lự, thì bốn pháp, loại trí sẽ tùy theo chỗ thích ứng tu hiện tại. Thuộc về Vô sắc, chỉ bốn, loại trí tùy theo chỗ thích ứng, tu hiện tại, tu vị lai, đồng với hữu lậu trước, phạm phu lìa nhiễm, tu hiện tại tục trí, ba định dứt dục, đạo Giải thoát thứ chín và căn cứ theo định bốn tính lự căn bản, khởi đạo thăng tiến, gia hạnh lìa nhiễm. Tu vị lai hai, là thêm tha tâm, vị lai khác chỉ tu thế tục. Khi tu năm thông, các đạo gia hạnh, hai đạo Giải thoát, hiện tu tục trí, một đạo Giải thoát hiện tha tâm, thế tục, các đạo thăng tiến hai, tùy theo chỗ thích ứng hiện tại, vị lai, tất cả đều tu hai thứ. Năm đạo Vô gián hiện tại, vị lai chỉ có thế tục, dựa vào tính lự căn bản, tu công đức khác đều tu hiện tại tục, tu vị lai hai, chỉ thuận với phần quyết trạch hẳn, không tu tha tâm. Do đó, vì quyến thuộc gần của Kiến đạo, nên căn cứ ở địa khác, chắc chắn tu công đức khác, đều chỉ tu thế tục ở hiện tại, vị lai.

Đối với tu vị lai, vì tu bao nhiêu địa? Các đối tượng khởi đắc đều là tu ư? Tụng rằng:

*Các đạo dựa đắc ấy  
Tu địa hữu lậu này  
Vì lìa, đắc khởi đây  
Tu vô lậu đây, dưới*



*Chỉ tận đều tu khắp  
Đức hữu lậu chín địa  
Sinh trên, không tu dưới  
Pháp từng được, không tu.*

**Luận nói:** Các đạo dựa vào địa này và khi đắc địa này, có khả năng tu hữu lậu của địa này ở vị lai, nghĩa là dựa vào thế tục của địa này, khi Thánh đạo hiện ở trước, ở vị lai, chỉ tu hữu lậu của địa này, vì pháp hữu lậu trói buộc địa rất vững chắc, khó tu pháp khác, tu tùy theo nương tựa địa nào mà lìa nhiễm của địa dưới. Khi đạo Giải thoát thứ chín hiện ở trước, cũng tu vị lai, đã được công đức hữu lậu, phần gần căn bản của địa trên, lìa ràng buộc của địa dưới, sẽ được địa trên. Thánh vì lìa địa này và khi đắc địa này, các đạo hiện khởi trong địa này đều có khả năng Tu đạo này và vô lậu của địa dưới. Nghĩa là tùy theo hữu lậu, vô lậu của địa nào, thì đạo gia hạnh v.v... chánh hiện ở trước, vì muốn dứt trừ phiền não của địa này, tu vị lai đạo này và vô lậu của địa dưới, địa dưới đối với nhiễm của địa trên, vì đồng chủ thể trị, nên dù Thánh đạo của địa dưới khi dứt phiền não, các biên của địa trên, có công năng đồng trị, nhưng do hữu lậu trói buộc địa vững chắc, nên khi chưa lìa địa dưới, thì vẫn chưa Tu đạo kia dựa vào bất cứ địa nào mà lìa nhiễm địa dưới. Khi đạo Giải thoát thứ chín hiện ở trước, cũng tu vị lai, chỗ đắc của địa trên và các công đức vô lậu của địa dưới tùy theo khởi, Thánh đạo, thế tục của địa này khi hiện ở trước, vị lai đều Tu đạo này và công đức vô lậu của địa dưới, chỉ khi Tận trí đầu tiên hiện ở trước, nhờ năng lực tu khắp hữu lậu của chín địa, do văn, tư, tu tạo thành thuộc về ý địa, vô lượng công đức vượt hơn, quán bất tịnh v.v... nghĩa là tùy theo địa nào, Tận trí hiện tiền, tu chung vị lai từ địa trên, địa dưới.

Vì sao chỉ khi Tận trí đầu tiên này với năng lực tu khắp các đức hữu lậu, mới có khả năng dứt hết tất cả oán phiền não của thiện căn, từ vô thủy đến nay, như khuấy phục oán thù chung của cả nước, tất cả đều cùng kéo nhau đến chúc mừng khen ngợi tốt đẹp. Lại phiền não ràng buộc, vì dứt không còn, như chủ thể ràng buộc cắt đứt đối tượng ràng buộc, khí chung. Lại, tâm vương kia lên ngôi vị tự tại, tất cả pháp thiện khởi được đến châu. Thí như Đại vương lên ngôi, làm lễ Quán đảnh, tất cả tiểu vương đều đến dâng triều cống. Tuy nhiên, người này đã sinh địa trên, sẽ không tu địa dưới, nghĩa là thân ở cõi Dục, được A-la-hán, tu chung thiện căn chín địa của ba cõi, sinh lên Hữu đảnh, chỉ tu một địa. Nói Tận trí đầu tiên, chỉ nói lìa Hữu đảnh và năm vị luyện căn. Đạo Giải thoát thứ chín đều xả đạo trước, sáng lập đắc quả. Đối với ba loại

trí biên của địa vị Kiến đạo, dù cũng có khả năng tu mà là tục trí của địa dưới mình (trước đã nói, nên ở đây không biện luận lại).

Nói các thứ tu, chỉ trước kia chưa được, nay khởi, nay được là chủ thể, sở tu, nghĩa là nếu trước kia chưa được, nay được, do dụng công được, mới là tu. Nếu pháp thời gian trước kia đã từng được rồi xả, nay, dù được trở lại, nhưng không phải tu vì không phải đặt ra sự cần cù khổ nhọc mà chứng đắc. Nếu lúc trước chưa được mà khởi, rất dụng công khởi thể lực cao siêu, thì đây mới có khả năng tu công đức vị lai. Nếu trước đã được, nay khởi hiện tiền, thì người đó không thể tu công đức ở vị lai, không dùng nhiều công sức, mà là vì thể lực kém, vì tu dùng sự nghĩ ngợi, nên không thể tu vị lai.

Nếu từng được hiện tiền mà có thể tu vị lai, thì đáng Bạc-già-phạm khi được Tận trí, nên chưa tu đủ tất cả công đức? Vì đủ chứng đắc, nên lại tiến tu, ấy là đồng với công đức của nhị thừa không viên mãn, vì chỉ nói theo đắc, gọi là tu. Không như vậy, thì sao tu lại có bốn thứ:

1. Tu đắc.
2. Tu tập.
3. Tu đối trị.
4. Tu trừ bỏ.

Bốn thứ tu trên, căn cứ vào pháp nào để lập? Tụng rằng:

*Lập tu đắc, tu tập  
Dựa pháp thiện hữu vi  
Dựa các pháp hữu lậu  
Lập tu trị, tu dứt.*

**Luận nói:** Các công đức chưa từng được, hiện tiền và đắc công đức khác ở vị lai do mới tu mà đắc, nên đều gọi là tu đắc.

Từng được công đức chưa từng hiện khởi, vì hiện tu tập, nên gọi tu tập.

Hai thứ tu này chỉ căn cứ vào thiện hữu vi để lập, vị lai chỉ đắc, hiện tại đủ hai tu. Đối với pháp, thân v.v... vì đắc là chủ thể trị, thân v.v... là đối tượng trị, gọi là tu đối trị, nên khi đắc đối trị ở thân v.v... tức nói là tu ở thân v.v... Pháp hữu lậu khác, so sánh lẽ ra cũng như thế. Duyên theo cảnh của thân v.v... vì phiền não dứt, nên nói pháp thân v.v... được gọi là tu trừ dứt, nên ngay khi duyên dứt phiền não của thân v.v... cũng gọi là tu ở thân v.v... Pháp hữu lậu khác, so sánh cũng nên như thế.

Hai thứ tu này, chỉ vì căn cứ pháp hữu lậu để lập, nên thiện hữu vi đầy đủ bốn tu. Hữu vi vô lậu, pháp hữu lậu khác, như thứ lớp đều đủ hai tu trước, sau. Có ở đây, căn cứ ở nghĩa sẽ tu, nhằm phân biệt các

pháp tu đủ, ít, nhiều. Có pháp đủ bốn, gọi là sẽ tu, có pháp đủ ba, có pháp đủ hai, có pháp đủ một, có pháp hoàn toàn không có, nghĩa là khi thiện hữu lậu chưa dứt hẳn, có thể đắc, có thể sinh, đầy đủ bốn thứ.

Vì tu này chưa dứt hẳn thiện hữu lậu, nên sẽ tu trị, trừ, vì có thể đắc, nên sẽ đủ tu đắc. Vì có thể sinh, nên sẽ đủ tu tập. Đã được có thể sinh đủ ba trừ đắc, có thể được bất sinh, đủ ba trừ tập. Đã được bất sinh và không thể được.

Đã sinh đủ hai. Nghĩa là trị, trừ tu, nhiễm và vô ký chưa dứt cũng thế.

Nếu khi hữu lậu, thiện đã dứt hẳn nhiễm và vô ký, thì có thể đắc, có thể sinh đủ hai thứ đắc, tập. Có thể đắc không sinh đủ một, nghĩa là đắc. Đã đắc có thể sinh đủ một, nghĩa là tập, hữu vi vô lậu, nên biết cũng thế. Trừ các thuyết đã nói trước, đều hoàn toàn không có, nghĩa là đối với pháp vô lậu đã được bất sinh v.v... Nếu pháp bất sinh, chẳng trụ trong thân, chỉ vì do đắc, nên tức gọi tu ấy, lẽ ra phải thừa nhận trạch diệt, cũng gọi là tu, vì không có sai khác?

Vấn nạn này phi lý, vì pháp đồng loại kia trụ trong thân, nghĩa là pháp bất sinh, dù không ở thân, đồng loại trụ nơi thân gọi là tu, không có lỗi. Lại pháp đồng loại kia vì đắc làm quả trụ, nghĩa là đời vị lai không sinh pháp thiện. Do khiến đắc sinh, biểu thị làm quả trụ. Nói về nghĩa, chúng ta thiếu duyên không sinh, chẳng phải cho rằng thời nay, không chịu ơn chiêu cảm dẫn mà vì trạch diệt, khác với đây, không thể so sánh. Lại, đời vị lai không sinh pháp thiện, cũng có sức của nhân gồm nhiếp lợi ích hiện thân, vì trạch diệt không đúng, nên không có nghĩa tu.

Lại, do trạch diệt chỉ là quả, nghĩa là tu vốn vì đạt được quả cao quý, diệt chẳng phải có quả, vì thế không nên tu.

Lại, do trạch diệt không có thêm, bớt, nghĩa là pháp có thể tu, dựa vào phẩm dưới đến phẩm giữa, dựa vào phẩm giữa đến phẩm trên. Trạch diệt không đúng, vì đối với tu không có công dụng, nên không thể tu.

